

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN (2016-2021)

TS PHẠM XUÂN HOÀNG

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

ThS NGUYỄN THỊ CẨM LỆ

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Ngày nhận:*

28-3-2021

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

20-5-2022

*Ngày duyệt đăng:*

30-5-2022

**Tóm tắt:** Việt Nam có tiềm năng phát triển kinh tế biển (KTB) hết sức to lớn. Nhận thức được điều đó, trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương phát triển toàn diện nền KTB và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bài viết tập trung đánh giá sự lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ khóa XII (2016-2021) về phát triển KTB Việt Nam.

**Từ khóa:**

*Phát triển kinh tế biển;*

*Việt Nam; 2016-2021*

## 1. Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng

Là quốc gia ven biển, có biển, Đảng và Nhà nước Việt Nam nhận thức được tầm quan trọng của biển đối với sự phát triển của quốc gia - dân tộc. Từ sau Đại hội X (2006) đến nay, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương về Chiến lược Biển, phát triển KTB nhằm thúc đẩy sự phát triển của một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. HNTƯ 4 khóa X của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 9-2-2007 “Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”, trong đó nhấn mạnh mục tiêu tổng quát: “Đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh”<sup>1</sup>. Triển khai Nghị quyết số 09-NQ/TW của Đảng, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP, ngày 30-5-2007 “Về Chương trình hành động về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020”. Thực hiện chủ trương trên, ngày 4-6-2008, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 1674/QĐ-BNN-KH về “Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP ngày 30-5-2007 của Chính phủ về Chương trình hành động về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Năm 2012, Quốc hội ban hành *Luật Biển Việt Nam*; Chương IV (từ Điều 42 đến Điều 46) là vấn đề

phát triển KTB, cụ thể Điều 43 quy định về phát triển các ngành kinh tế biển.

Đại hội XII (2016) của Đảng xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển KTB giai đoạn 2016-2020: “Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo. Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống vùng biển, đảo. Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển”<sup>2</sup>.

Thực hiện chủ trương Đại hội XII của Đảng, ngày 22-10-2018, HNTƯ 8 khóa XII thông qua Nghị quyết số 36-NQ/TW “Về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, xác định: “Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn”<sup>3</sup>. Nghị quyết số 36-NQ/TW nêu rõ: *Về quan điểm phát triển*: Phát triển bền vững KTB trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển; bảo đảm hài hòa giữa các hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, giữa bảo tồn và phát triển, giữa lợi ích của địa phương có biển và địa phương không có biển; tăng cường liên kết, cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát huy tiềm năng, lợi thế của biển, tạo động lực phát triển kinh tế đất nước. *Về mục*

*tiêu: đến năm 2030* đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững KTB; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững KTB.

Nghị quyết số 36-NQ/TW nhấn mạnh mục tiêu cụ thể: “Các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 10% GDP cả nước; kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển ước đạt 65-70% GDP cả nước. Các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển”<sup>4</sup>. Nghị quyết cũng xác định các lĩnh vực phát triển KTB: “Đến năm 2030, phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Kinh tế hàng hải; (3) Khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; (4) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (5) Công nghiệp ven biển; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới”<sup>5</sup>.

Ngày 6-2-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 203/QĐ-TTg “về việc Thành lập Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, ngày 5-3-2020, Chính phủ ra Nghị quyết số 26/NQ-CP “Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, cụ thể hóa các quan

điểm, mục tiêu, chủ trương lớn, khâu đột phá và giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững KTB Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW; xác định các nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và phân công cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương có liên quan<sup>6</sup>.

Đại hội XIII (2021) của Đảng, đánh giá về phát triển kinh tế biển giai đoạn 2016-2020, nêu rõ: “Nhận thức về phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo được nâng lên. Đã chú trọng, tập trung đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh của các cảng hàng không, cảng biển, phát triển dịch vụ du lịch, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản,... Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển, đảo được cải thiện rõ rệt, nhất là các công trình điện lưới quốc gia nối với các đảo lớn, các cảng biển, trung tâm nghề cá phục vụ đánh bắt xa bờ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ven biển và hải đảo được cải thiện”<sup>7</sup>.

Đại hội XIII của Đảng thông qua *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030* nhấn mạnh: “Phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng - an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khẩn trương xây dựng quy hoạch không gian biển quốc gia. Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên biển. Ưu tiên phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật, công nghệ trong

đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong quá trình khai thác thủy sản trên các vùng biển. Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh”<sup>8</sup>. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, với nhiệm vụ: “Phát triển các ngành kinh tế biển có lợi thế, mũi nhọn như: Du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Huy động nguồn lực, khuyến khích phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn kinh tế biển mạnh. Thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế biển và vùng ven biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh... Ngăn ngừa, kiểm soát và giảm đáng kể ô nhiễm môi trường biển, tiên phong trong khu vực về giảm thiểu chất thải nhựa đại dương”<sup>9</sup>. “Phấn đấu đến năm 2030, quy mô kinh tế của 28 tỉnh, thành phố ven biển bằng 65-70% GDP cả nước”<sup>10</sup>.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 24-11-2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 31/CT-TTg “Về đổi mới và tăng cường tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, đánh giá sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, đồng thời đề ra những giải pháp thích ứng với tình hình đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và tình hình Biển Đông tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung cũng như hoạt động của các ngành KTB, các địa phương có biển.

Quan điểm, chủ trương của Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ về phát triển KTB là đúng đắn,

phù hợp với xu thế và tình hình thực tế. Đảng nhận thức KTB là một nền kinh tế tổng hợp dựa trên việc khai thác các nguồn lợi từ biển: giao thông (hàng hải) vận tải biển, khai thác khoáng sản, dầu khí, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến hải sản, du lịch biển...; phát triển KTB bền vững là phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái biển. Đối với mục tiêu, ngành nghề KTB có sự ưu tiên trong phát huy ngành nghề trên cơ sở tiềm năng và lợi thế biển. Đây là một nội dung quan trọng và xuyên suốt *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

## 2. Một số kết quả và kinh nghiệm

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đến tháng 6-2021, đã có 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển thành lập Ban chỉ đạo và 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển ban hành Chương trình/Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP<sup>11</sup>, KTB của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực:

*Phát triển du lịch biển.* Bờ biển Việt Nam có khoảng 125 bãi biển, vịnh biển thuận lợi để phát triển du lịch<sup>12</sup>. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch, nhiều dịch vụ giải trí, thể thao biển đã được đưa vào hoạt động. Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, tăng cường đầu tư vào lĩnh vực du lịch biển Việt Nam. Du lịch biển phát triển đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế, chiếm khoảng 70% tổng thu từ du lịch của cả nước. Theo Tổng cục Du lịch Việt Nam, từ năm 2015-2019, khách quốc tế đến Việt Nam tăng 2,3 lần, từ 7,9 triệu lượt lên 18 triệu lượt, với tốc độ tăng trưởng trung bình 22,7%/năm; khách nội địa tăng từ 57 triệu lượt lên 85 triệu lượt, với tốc độ tăng trưởng trung bình 10,5%/năm. Tỷ trọng đóng góp trực tiếp của du

lịch vào GDP cả nước từ 8,3% năm 2018 lên 9,2% năm 2019<sup>13</sup>. Lượng khách du lịch quốc tế đến khu vực ven biển chiếm gần 70%-80% tổng lưu lượng khách trên cả nước.

*Phát triển giao thông hàng hải và vận tải biển.* Việt Nam nằm gần các tuyến đường hàng hải quốc tế và khu vực, có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành hàng hải, công nghiệp tàu thủy và logistics. Trong quá trình phát triển đất nước, Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới cảng biển kết nối với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông. Tính đến ngày 2-4-2021, cả nước có 286 bến cảng, trong đó Hải Phòng là địa phương tập trung nhiều bến cảng nhất (50 bến cảng), tiếp đến là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (45 bến cảng) và Thành phố Hồ Chí Minh xếp vị trí thứ ba (43 bến cảng)<sup>14</sup>. “Năm 2015, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt 427,8 triệu tấn, chiếm 81,8% khối lượng hàng hóa thông qua các cảng (gồm cảng biển, cảng thủy nội địa và cảng hàng không). Đến năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng không nhỏ của đại dịch COVID-19, khối lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển đạt 692,3 triệu tấn, chiếm 78,7% khối lượng hàng hóa thông qua các cảng. Trong giai đoạn 2016-2020, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tăng 61,8%, bình quân mỗi năm tăng khoảng 10%”<sup>15</sup>. Năm 2021, tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam vẫn đạt hơn 703 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2020. Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập được 32 tuyến vận tải biển, trong đó 25 tuyến vận tải quốc tế và 7 tuyến vận tải nội địa, trong đó ngoài các tuyến châu Á, khu vực phía Bắc đã khai thác 2 tuyến đi Bắc Mỹ, phía nam đã hình thành được 16 tuyến đi Bắc Mỹ và châu Âu; đứng vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á, chỉ sau Malaysia và Singapore<sup>16</sup>. Đặc biệt, khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu vận tải quốc tế của đội tàu biển Việt Nam đạt mức tăng trưởng hiếm có, tăng tới 54% (đạt gần 5 triệu tấn) so với

năm 2020. Các mặt hàng chủ yếu vận tải trên các tuyến đi: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực Đông Nam Á và một số tuyến châu Âu. Trong đó, tổng sản lượng vận tải do đội tàu biển Việt Nam vận chuyển cũng có sự khởi sắc trong đại dịch, đạt khoảng 156,5 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2020<sup>17</sup>. Năm 2021, các cảng tại Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu lọt vào danh sách 50 cảng biển thông qua lượng hàng container lớn nhất trên thế giới. Cảng Lạch Huyện (Hải Phòng), Cái Mép (Bà Rịa - Vũng Tàu) đã tiếp nhận được tàu container lớn nhất thế giới hiện nay (trên 200.000 DWT)<sup>18</sup>.

*Khai thác dầu khí và khoáng sản.* Việt Nam có tiềm năng về khai thác dầu khí và khoáng sản; đã tập trung khai thác dầu khí tại 11 mỏ ở thềm lục địa phía Nam, hình thành ngành công nghiệp dầu khí. Theo số liệu của Bộ Công Thương, tổng sản lượng khai thác dầu khí trong 5 năm (2016-2020) đạt 121,14 triệu tấn quy dầu, trong đó khai thác dầu đạt 71,27 triệu tấn. Trong số 71,27 triệu tấn này, khai thác trong nước đạt 61,45 triệu tấn, bằng 122,9% so với quy hoạch giai đoạn 2016-2020; ở nước ngoài đạt 9,82 triệu tấn, bằng 98,2% so với quy hoạch<sup>19</sup>. Sản lượng khai thác dầu trong nước liên tục sụt giảm từ mức 15,2 triệu tấn năm 2016 xuống còn 9,7 triệu tấn năm 2020 và dự báo tiếp tục giảm trong các năm tiếp theo. Năm 2021, Việt Nam khai thác gần 11 triệu tấn dầu thô, trong đó 9,1 triệu tấn từ các mỏ trong nước, và gần 1,9 triệu tấn khai thác từ các mỏ nước ngoài mà PVN hợp tác, đầu tư. Tuy nhiên, 6 năm qua, sản lượng khai thác trong nước liên tục giảm, nếu tính bình quân, mỗi năm sản lượng giảm một triệu tấn<sup>20</sup>.

*Về khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản.* Trong những năm 2016-2021, việc nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy, hải sản đã được các địa phương có biển, doanh nghiệp đầu tư phát triển. Theo báo cáo của Tổng cục Thủy sản, từ năm 2016

đến năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng trưởng trung bình là 5%, từ 7 tỷ USD năm 2016 lên 8,4 tỷ USD vào năm 2020, trong đó năm 2018, đạt đỉnh với giá trị 8,8 tỷ USD<sup>21</sup> chủ yếu là từ khai thác, chế biến hải sản biển. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nhưng xuất khẩu thủy sản vẫn đạt những kết quả cao, kim ngạch xuất khẩu năm 2021 đạt khoảng 8,89 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm 2020 (8,41 tỷ USD)<sup>22</sup>. Xuất khẩu tăng giảm mạnh trong 5 năm qua do biến động nhu cầu, cạnh tranh và rào cản thị trường nhập khẩu (thuế CBPG, “thẻ vàng” khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), chương trình giám sát Nhập khẩu Thủy sản của Mỹ (SIMP), giá thành sản xuất...).

*Về công nghiệp ven biển và năng lượng tái tạo.* Việt Nam hiện có 19 khu kinh tế ven biển, với tổng diện tích mặt đất và mặt nước khoảng hơn 845.000 ha; 330 khu công nghiệp được thành lập, với tổng diện tích đất tự nhiên gần 97.000 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp khoảng 65.900 ha<sup>23</sup>. Nhiều khu kinh tế tổng hợp ven biển được thành lập thu hút các dự án đầu tư nước ngoài lớn như Nghi Sơn, Vũng Áng, Chu Lai, Dung Quất đã đóng góp vai trò quan trọng trong tăng cường năng lực sản xuất ngành công nghiệp cả nước, đồng thời tạo điều kiện để thúc đẩy nhiều ngành khác.

Bên cạnh đó, việc khai thác điện gió, điện mặt trời cũng đã được đầu tư phát triển mạnh ở các tỉnh ven biển miền Trung và miền Nam và đã có đóng góp quan trọng đối với ngành điện Việt Nam. Ngoài những khu vực phát triển điện mặt trời và điện gió tập trung ở trên đất liền, cũng đã có những dự án lớn phát triển điện gió, điện mặt trời lớn trên mặt nước ven biển thuộc tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu. Theo báo cáo “Lộ trình phát triển điện gió ngoài khơi dành cho Việt Nam” của World Bank,

đến năm 2030, công suất điện gió ngoài khơi có thể tăng từ 1 GW lên đến 5-19 GW, trong khi công suất điện gió đất liền có thể tăng từ 1,26 GW lên 17,34 GW. Đối với điện mặt trời, tổng công suất tăng nhanh từ 86 MW vào năm 2018 lên gần 16.500 MW năm 2020. Năm 2021, việc thu hút được nhiều dự án mới và quy mô lớn với 5,7 tỷ USD, chiếm 18,3% tổng vốn đầu tư đăng ký đã giúp ngành sản xuất và phân phối điện xếp thứ 2 trong số các ngành thu hút FDI<sup>24</sup>.

Kết quả phát triển kinh tế biển (2016-2021) góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế: *Một là*, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển còn có những bất cập; khai thác tiềm năng biển và hải đảo đạt hiệu quả chưa cao, thiếu bền vững, một số nơi khai thác không tuân thủ quy hoạch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào tiến trình quản lý còn thụ động, chưa làm rõ quyền sử dụng đất ven biển và mặt nước biển cho người dân vùng ven biển. *Hai là*, phương thức khai thác biển chủ yếu vẫn theo hình thức sản xuất và đầu tư nhỏ, sử dụng công nghệ lạc hậu, chủ yếu là ưu tiên khai thác tài nguyên biển ở dạng vật chất, không tái tạo; chú trọng nhiều đến sản lượng, số lượng, ít chú ý đến chất lượng và lợi ích lâu dài của các dạng tài nguyên. Ngoài ra, công tác quản lý, giám sát việc khai thác nguồn lợi biển còn nhiều yếu kém. *Ba là*, đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản giảm sút. Các hệ sinh thái quan trọng bị suy thoái hoặc bị thu hẹp. Một số đảo có xu hướng di chuyển ra xa bờ hơn do thay đổi cấu trúc hoàn lưu ven biển, thay đổi tương tác sóng biển ở các vùng cửa sông ven bờ. Nguồn lợi hải sản có xu hướng giảm dần về số lượng và trữ lượng, nguồn lợi hải sản ở vùng biển gần bờ có dấu hiệu bị khai thác cạn kiệt<sup>25</sup>. *Bốn là*, môi trường biển bị ô nhiễm và biến đổi

theo chiều hướng xấu. Nhiều chất thải chưa qua xử lý từ các lưu vực sông và vùng ven biển đổ ra biển, một số khu vực ven bờ bị ô nhiễm, hiện tượng thủy triều đỏ xuất hiện ngày càng nhiều với quy mô rộng. Việt Nam cũng đang chịu tác động nặng nề của tình trạng biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trước hết là vùng ven biển và các đảo nhỏ. Nhiều vụ việc do khai thác trái phép hoặc đầu tư khai thác thiếu kiểm soát môi trường đã làm cho nguồn lợi thủy sản suy thoái đến mức khó có thể phục hồi.

Từ thực tiễn lãnh đạo phát triển kinh tế biển những năm 2016-2021, nhất là từ sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW (22-10-2018), có thể đúc kết một số kinh nghiệm sau: *Thứ nhất*, làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về giá trị của biển, đảo, vai trò của tài nguyên biển, lợi ích từ phát triển KTB và ý thức trách nhiệm phát triển bền vững biển quốc gia. *Thứ hai*, thực hiện tốt mục tiêu kép phát triển KTB với bảo vệ tài nguyên sinh thái môi trường biển, hướng tới phát triển bền vững KTB; cơ cấu lại các ngành kinh tế biển và ven biển dựa trên hệ sinh thái và phù hợp với lợi thế, tiềm năng tự nhiên. *Thứ ba*, kiên trì phát triển KTB bền vững dựa trên công nghệ xanh sạch, ít gây nguy hại cho môi trường sinh thái biển; chú trọng tăng trưởng xanh trong mỗi bước phát triển, trong từng ngành nghề KTB. *Thứ tư*, đẩy mạnh công tác quản lý biển theo cách tiếp cận tổng hợp nhằm giảm thiểu tác động từ hoạt động của các ngành kinh tế khác đến môi trường và tài nguyên biển. Huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển bền vững biển, xây dựng các tập đoàn KTB mạnh.

Những kết quả đạt được của KTB trong những năm 2016-2021 đã góp phần quan trọng, vào những thành tựu của công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo đưa Việt Nam trở thành quốc gia

mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQGST, 2017, T. 66, tr. 47

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb CTQG, H, 2016, tr.288-289

3, 4, 5. Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22-10-2018 “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-36-NQ-TW-2018-chien-luoc-phat-trien-ben-vung-kinh-te-bien-Viet-Nam-den-nam-2030-397978.aspx>

6. Xem Chính phủ: Nghị quyết số 26/NQ-CP, ngày 5-3-2020 “Ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=199353>

7, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. II, tr. 27-28, 120-121

8, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 257-258, 259

11. Xem “Triển khai nghị quyết 36-NQ/TW gắn với thập kỷ khoa học đại dương vì sự phát triển bền vững”, <https://monre.gov.vn/Pages/trien-khai-nghi-quyet-36-nqtw-gan-voi-thap-ky-khoa-hoc-dai-duong-vi-su-phat-trien-ben-vung.aspx>, ngày 7-6-2021

12. Xem “Vị thế của du lịch biển”, <https://dangcongsan.vn/bien-dao-viet-nam/vi-the-cua-du-lich-bien-470432.html>, ngày 18-1-2018

13. Xem “Doanh nghiệp du lịch chuyên hướng kích cầu thị trường nội địa”, <https://bnews.vn/doanh-nghiep-du-lich-chuyen-huong-kich-cau-thi-truong-noi-dia/218427.html>, ngày 26-10-2021

14. Quyết định số 508/QĐ-BGTVT ngày 2-4-2021 của Bộ Giao thông vận tải công bố Danh mục bến cảng thuộc các cảng biển Việt Nam

15. Xem “Phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế”, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/phat-trien-he-thong-cang-bien-viet-nam-dap-ung-xu-the-hoi-nhap-quoc-te/>, ngày 11-6-2021

16. Xem <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/phat-trien-he-thong-cang-bien-viet-nam-dap-ung-xu-the-hoi-nhap-quoc-te/>, ngày 11-6-2021

17. Xem <https://baocinhphu.vn/van-tai-bien-tang-truong-an-tuong-trong-dai-dich-102305882.htm>, ngày 21-12-2021

18. Xem “Hàng hải “bứt phá” ngoạn mục trong đại dịch COVID-19”, <https://mt.gov.vn/vn/tin-tuc/77934/hang-hai-but-pha-ngwan-muc-trong-dai-dich-covid-19.aspx>, ngày 2-1-2022

19. Xem “Việt Nam đổi mặt nguy cơ mò dầu cũ hút kiệt, tìm mỏ mới quá khó”, <https://vietnamnet.vn/viet-nam-doi-mat-nguy-co-mo-dau-cu-hut-kiet-tim-mo-moi-qua-kho-824043.html>, ngày 21-3-2022

20. Xem “Việt Nam đang khai thác, tiêu thụ xăng dầu ra sao?”, <https://vnexpress.net/viet-nam-dang-khai-thac-tieu-thu-xang-dau-ra-sao-4462783.html>, ngày 13-5-2022

21. Xem <https://vasep.com.vn/gioi-thieu-tong-quan-nganh>

22. Xem <https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/tin-tuc/-tin-van/doc-tin/016895/2022-01-12/dang-uy-tong-cuc-thuy-san-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-nam-2021-de-ra-cac-giai-phap-thuc-hien-muc-tieu-trong-nam-2022>, ngày 10-1-2022

23. Xem “Triển khai chiến lược phát triển kinh tế biển theo tinh thần nghị quyết Đại hội XIII”, <https://dangcongsan.vn/bien-dao-viet-nam/tin-tuc/trien-khai-chien-luoc-phat-trien-kinh-te-bien-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-580432.html>, ngày 13-5-2021

24. Xem <https://baodautu.vn/nang-luong-tai-cao-tiem-nang-kinh-te-to-lon-cua-viet-nam-d163244.html>, ngày 4-4-2022

25. Xem “Phát triển kinh tế biển Việt Nam: Tiềm năng và thách thức”, <http://tapchimattran.vn/kinh-te/phat-trien-kinh-te-bien-viet-nam-tiem-nang-va-thach-thuc-37566.html>, ngày 21-11-2020.